TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11.8.2017
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Lâm
2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án củaTòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Trương Quang Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 01E đường T, tổ 105 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 01E đường T, tổ 105 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2017, bản tự khai ngày 26 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T1 xây dựng gia đình vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 01E đường T, tổ 105 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong lối sống, suy nghĩ, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và mỗi khi ông T1 say xỉn thường về nhà sử dụng bạo lực, đánh đập bà. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay bà xác định không còn tình cảm thương yêu ông T1, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 15/11/1995 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 27/5/2004. Ly hôn bà X có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đức M và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Còn con Nguyễn Thị Mỹ T2 đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn Văn T1 không có nợ nần ai và không ai nợ nần vợ chồng ông bà.

* Về phía bị đơn – ông Nguyễn Văn T1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Nguyễn Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại số nhà 01E đường T, tổ 105 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – ông Nguyễn Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T1.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị X xây dựng gia đình vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại nhà địa chỉ số 01E đường T, tổ 105 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà Nguyễn Thị X xác định là do vợ chồng không hòa hợp trong lối sống, suy nghĩ, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và

mỗi khi ông T1 say xỉn thường về nhà sử dụng bạo lực, đánh đập bà. Để ổn định cuộc sống, bà Nguyễn Thị X đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn T1.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tình trạng quan hệ hôn nhân nơi ông bà cư trú thể hiện vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau, có lúc còn xô xát đánh đập nhau. Hiện nay, ông bà đã tự sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không có trách nhiệm gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T1 để tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn nhưng ông Nguyễn Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ sự bỏ mặc của ông Nguyễn Văn T1 đối với cuộc hôn nhân này. Do đó, nguyện vọng xin được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Nguyễn Thị X là chính đáng nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X là có cơ sở.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị X xác định bà và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 15/11/1995 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 27/5/2004. Ly hôn bà X có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đức M và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng một mặt phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay, cháu Nguyễn Đức M đang được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo.Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu M, cần tiếp tục giao cháu M cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và ông T1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như nguyện vọng của cháu.

Đối với Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm: 1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị X xác định bà và ông Nguyễn Văn T1 có 01 ngôi nhà tại số 01E đường T, tổ 105 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng nhưng bà không yêu cầu; còn ông T1 lại không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị X xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn T1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức M, sinh ngày 27/5/2004 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T1 không cấp dưỡng nuôi con. Còn con Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh ngày 15/11/1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Các bên có các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị X xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị X phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp theo biên lai thu số 0003223 ngày 03.4.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- *Các bên đương sự;*
- *VKSND quận Thanh Khê;*
- *Chi cục THADS quận Thanh Khê;*
- *Lưu Hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**